



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 29 (từ 16/7 – 20/7/2018)



ĐIỂM TIN

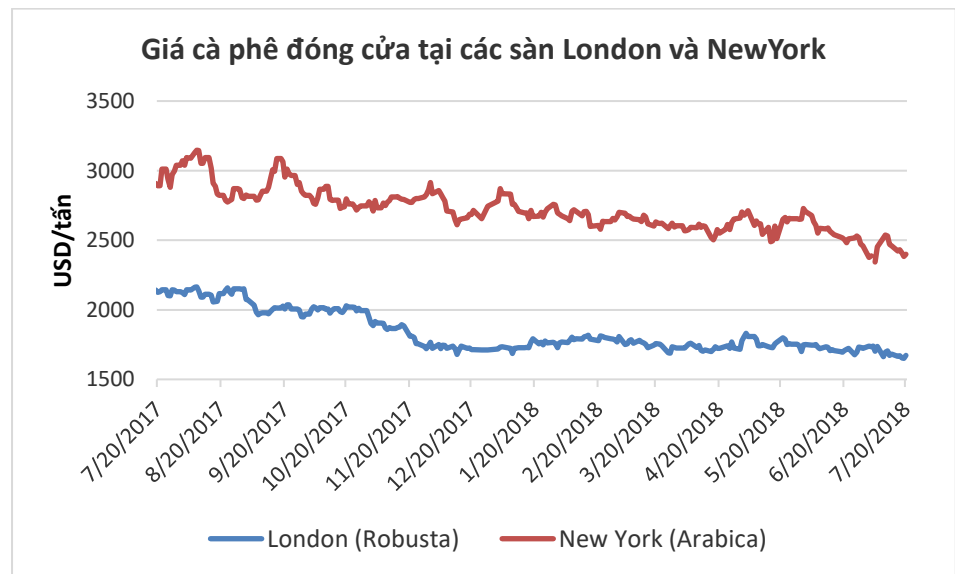
Giá Robusta kỳ hạn tuần này giảm 1,2%

Giá Arabica kỳ hạn tuần này giảm 4,7%

Tồn kho cà phê tại Hoa Kỳ giảm 23.366 bao trong tháng 6/2018

Xuất khẩu cà phê Brazil niên vụ 2017/18 giảm 8,5%

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.663 USD/tấn, giảm 1,21% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 23,4% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.672 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.651 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.409 USD/tấn, giảm 4,7% so với tuần trước và thấp hơn 13,4% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong



tuần đạt 2.432 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.384 USD/tấn [1].

Các dự báo tích cực về triển vọng vụ mùa mới năm nay của các sản xuất cà phê hàng đầu (Brazil, Việt Nam, Honduras...) gây tác động xấu lên các thị trường cà phê trong trung hạn. Các nhà đầu tư tiếp tục bán ra các hợp đồng kỳ hạn trên 2 sàn giao dịch New York và London do họ cho rằng thế giới sẽ không còn tình trạng thiếu hụt cà phê khiến giá tăng cao như trong ba năm vừa qua. Thậm chí, hãng môi giới chứng khoán Price Futures tại Chicago cho biết, các nhà đầu tư đang tin tưởng rằng có thể sẽ không bao giờ thiếu nguồn cung nữa [2].

Hiệp hội Cà phê xanh Hoa Kỳ (Green Coffee Association – GCA) thông báo tồn kho cà phê tại các kho cảng của Hoa Kỳ trong tháng 6/2018 đã giảm 23.366 bao so với tháng trước xuống còn 6.844.229 bao. Thống kê tồn kho này không bao gồm số cà phê đang được vận chuyển trong các container hoặc tồn kho tại kho hàng của các nhà rang xay (khoảng 1,1 triệu bao nữa). Như vậy, với mức tiêu thụ của Hoa Kỳ và Canada ước khoảng 570.000 bao/ mỗi tuần, lượng tồn kho này đủ cung cấp 13,5 tuần cho hoạt động rang xay tại khu vực Bắc Mỹ. Đây được coi là một mức dự trữ cà phê an toàn trong trung hạn [2].

Hiệp hội các nhà Xuất khẩu Cà phê (Cecafé) Brazil cho biết xuất khẩu cà phê nước này đến hết tháng 6/2018 chỉ đạt 26,83 triệu bao, giảm 8,5% so với niên vụ cà phê trước (niên vụ cà phê Brazil từ tháng 7/2017-6/2018). Nguyên nhân xuất khẩu giảm được cho là do nông dân đang tập trung đẩy mạnh thu hoạch vụ mùa mới nên cũng không quan tâm bán ra vào lúc này trong khi sản lượng cà phê năm vừa rồi không đạt như kỳ vọng. Hiệp hội Cecafé cũng dự kiến niên vụ cà phê mới (từ tháng 7/2018-6/2019) sẽ xuất khẩu trong khoảng 30 đến 31 triệu bao [2].

Trong khi đó, theo tin từ Reuters, Chính phủ Brazil cho biết sản lượng cà phê năm 2018 của nước này sẽ đạt mức cao kỷ lục 58 triệu bao. Bên cạnh đó, trong vòng 2 tuần tới, thời tiết khô ráo kéo dài tại các vùng sản xuất cà phê Brazil tạo thuận lợi cho hoạt động thu hoạch cà phê của nông dân hiện nay [2].



ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm nhẹ so với tuần trước theo xu hướng giá cà phê thế giới

Giá cà phê xuất khẩu bình quân tháng 6/2018 giảm 3,4%

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này giảm nhẹ so với tuần trước cùng xu hướng giá Robusta trên sàn kỳ hạn London. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 34.953 đ/kg, giảm 1,4% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 23,7% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 358 đồng so với tuần trước xuống còn 34.511 đ/kg, và vẫn thấp hơn 23,7% so với cùng kỳ năm trước [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.543 USD/tấn, giảm 1,3% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 27,7% so với cùng kỳ năm 2017 do lượng giao dịch không nhiều [7].

Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê tháng 6/2018 đạt 1.898 USD/tấn, giảm 3,4% so với tháng 5/2018 và giảm 15,9% so với tháng 6/2017 (giá xuất khẩu bình quân được tính bao gồm cả cà phê nhân xô, cà phê rang xay và cà phê chế biến). Trong tháng này, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê sang hầu hết các thị trường đều giảm so với tháng trước. Theo đó, 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu cà phê sang 2 thị trường lớn nhất là Đức và Mỹ giảm cả về lượng và trị giá [8].



Theo tin từ cộng tác viên dự án VnSAT tại các tỉnh Tây Nguyên, lượng cà phê niên vụ 2017/18 tồn trữ trong dân không còn nhiều (ước tính còn khoảng 10% hàng trong các kho). Vụ thu hoạch tiếp theo được dự kiến sẽ bắt đầu trong quý cuối cùng của năm 2018 và dự báo sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ mới có thể đạt 29,9 triệu bao do thời tiết thuận lợi. Tuy nhiên, ở mức giá thấp hiện nay, thị trường cà phê nội địa không có giao dịch nào đáng kể do người dân không muốn bán nốt số hàng tồn kho gối vụ với mức giá tương đương giá vốn của họ [5].

Theo Chi cục Bảo vệ Thực vật các tỉnh Tây Nguyên, cơn bão số 3 đã đổ bộ vào các khu vực ven biển phía Bắc gây mưa lớn trên diện rộng, tuy nhiên không gây ra thiệt hại nào tại các khu vực trồng cà phê [6].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://trademap.org/>
- [4]. <http://xttm.mard.gov.vn>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	35.100	35.067	34.800	34.900	35.167	-295
Ea H'leo (xôvối)	35.067	35.200	34.867	34.867	35.300	-327
Krông Năng (xôvối)	34.967	35.033	34.800	34.667	34.833	-613
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	35.400	35.400	35.100	35.200	35.500	-440
Ea H'leo (xôvối)	35.500	35.500	35.200	35.200	35.600	-320
Krông Năng (xôvối)	35.100	35.200	34.900	34.800	35.000	-620
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	34.533	34.533	34.333	34.400	34.667	-487
Lâm Hà (xôvối)	34.500	34.600	34.400	34.450	34.850	-200
Đà Lạt (xôchè)	40.667	42.000	40.667	39.667	40.167	-2333
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.033	35.033	34.767	34.900	35.167	-500
Lâm Hà (xôvối)	35.000	35.133	35.000	34.950	35.350	-673
Đà Lạt (xôchè)	41.667	43.000	41.667	40.667	41.167	-2333
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.100	35.000	34.700	34.800	35.150	-483
Đắk R'lấp (xôvối)	34.933	35.033	34.733	34.733	35.133	-313
Đắk Song (xôvối)	35.050	35.150	34.850	34.850	35.250	-300
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.600	35.500	35.200	35.300	35.650	-440
Đắk R'lấp (xôvối)	35.267	35.367	35.067	35.067	35.467	-300
Đắk Song (xôvối)	35.400	35.500	35.200	35.200	35.600	-290



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xônối)	34.833	34.833	34.600	34.600	35.100	-320
Pleiku (xônối)	34.900	34.900	34.700	34.667	35.233	-327
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xônối)	34.933	34.933	34.700	34.700	35.200	-320
Pleiku (xônối)	35.000	35.000	34.800	34.767	35.333	-327
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xônối)	34.511	34.544	34.378	34.383	34.739	-358
Đắk Hà (xônối)	34.918	34.946	34.692	34.703	35.046	-401
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xônối)	35.011	35.056	34.856	34.883	35.250	-531
Đắk Hà (xônối)	35.249	35.269	35.011	35.028	35.369	-432

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

